

**Bảng Điểm Học Phần: Kỹ thuật Nghiệp Vụ XNK**  
**Lớp: QTKD 21/1 - Khoá 21- Hệ chính quy - Bậc :TCCN**  
**Giảng viên phụ trách: Hồ Xuân Tiến**

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Điểm KT (hệ số 1)	Điểm KT (hệ số 2)	T.Bình Kiểm tra học phần	Điểm thi kết thúc học phần	Điểm học phần (ghi bằng số)	Điểm học phần (ghi bằng chữ)	Ghi chú
			(.1)	(.2)	(.3)	(.4)	(.5)	(.6)	
1	Nguyễn Thị Thúy An	04/10/92	8	8	8	4	6.0	sáu chẵn	
2	Vũ Thành An	20/02/87	8	4	5	0	2.5	hai rưỡi	
3	Trương Thị Kim Anh	08/06/92	8	8	8	4	6.0	sáu chẵn	
4	Nguyễn Thùy Như Anh	31/10/92	8	8	8	5	6.5	sáu rưỡi	
5	Võ Thị Ngọc Bích	05/07/92	8	8	8	5	6.5	sáu rưỡi	
6	Ngô Gia Bình	11/08/92	5	2	3	5	4.0	bốn chẵn	
7	Nguyễn Thị Diễm	20/03/92	8	8	8	4	6.0	sáu chẵn	
8	Hoàng Kim Dung	25/05/91	7	7	7	5	6.0	sáu chẵn	
9	Võ Thị Thùy Dung	00/00/92	7	7	7	5	6.0	sáu chẵn	
10	Tạ Quốc Duy	29/09/91	2	0	1	0	0.5	không rưỡi	
11	Trần Nguyễn Vĩnh Điền	04/06/89	8	6	7	3	5.0	năm chẵn	
12	Nguyễn Thị Thanh Diệp	10/01/91	8	8	8	4	6.0	sáu chẵn	
13	Phạm Bá Đức	09/02/88	0	0	0	0	0.0	không chẵn	
14	Võ Thị Thu Hà	07/10/92	7	4	5	0	2.5	hai rưỡi	
15	Nguyễn Hồng Hào	01/04/92	6	6	6	4	5.0	năm chẵn	
16	Nguyễn Văn Hiền	20/10/91	3	2	2	4	3.0	ba chẵn	
17	Nguyễn Thị Ngọc Hiền	30/11/92	8	8	8	5	6.5	sáu rưỡi	
18	Kiang Tuấn Hiền	25/09/91	6	4	5	0	2.5	hai rưỡi	
19	Võ Trương Thanh Hiệp	20/05/89	2	0	1	0	0.5	không rưỡi	
20	Đặng Công Hiếu	28/08/92	7	4	5	5	5.0	năm chẵn	
21	Tô Kim Hùng	08/05/88	7	6	6	4	5.0	năm chẵn	
22	Dịch Kim Hùng	05/08/91	4	3	3	0	1.5	một rưỡi	
23	Nguyễn Thị Hương	12/03/91	8	8	8	3	5.5	năm rưỡi	
24	Dương Thị Thu Hương	14/03/91	8	8	8	3	5.5	năm rưỡi	
25	Phạm Thị Diễm Hương	06/12/92	8	8	8	4	6.0	sáu chẵn	
26	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	28/02/92	8	8	8	3	5.5	năm rưỡi	
27	Đặng Thị Thúy Kiều	06/08/92	8	8	8	3	5.5	năm rưỡi	
28	Nguyễn Thị Kim Lâu	14/11/91	8	8	8	5	6.5	sáu rưỡi	
29	Đoàn Thịnh Lợi	03/05/89	8	8	8	5	6.5	sáu rưỡi	
30	Huỳnh Khánh Long	23/05/89	7	7	7	4	5.5	năm rưỡi	
31	Huỳnh Thị Ly	16/06/92	7	7	7	4	5.5	năm rưỡi	
32	Nguyễn Ngọc Tuyết Mai	22/12/89	6	5	5	0	2.5	hai rưỡi	
33	Nguyễn An Minh	15/10/92	8	8	8	4	6.0	sáu chẵn	

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Điểm KT (hệ số 1)	Điểm KT (hệ số 2)	T.Bình Kiểm tra học phần	Điểm thi kết thúc học phần	Điểm học phần (ghi bằng số)	Điểm học phần (ghi bằng chữ)	Ghi chú
			(.1)	(.2)	(.3)	(.4)	(.5)	(.6)	
34	Trần Quốc	Nam	26/11/90	7	5	6	4	5.0	năm chẵn
35	Ngô Hoàng	Nam	12/01/90	7	5	6	3	4.5	bốn rưỡi
36	<b>Đặng Như</b>	<b>Ngọc</b>	<b>19/04/92</b>	<b>5</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>2.0</b>	<b>hai chẵn</b>
37	Dương Thành	Nguyễn	04/01/91	6	4	5	4	4.5	bốn rưỡi
38	<b>Phan Thị Thảo</b>	<b>Nguyễn</b>	<b>11/02/89</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>0</b>	<b>1.0</b>	<b>một chẵn</b>
39	Nguyễn Hoàng Tuệ	Nhã	18/09/89	8	8	8	6	7.0	bảy chẵn
40	Lê Hoàng Khánh	Nhân	09/03/90	6	2	3	4	3.5	ba rưỡi
41	Hồ Văn	Nhi	21/03/92	6	6	6	4	5.0	năm chẵn
42	Nguyễn Thanh	Nhơn	30/06/91	6	5	5	6	5.5	năm rưỡi
43	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	17/11/92	8	8	8	5	6.5	sáu rưỡi
44	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	27/06/91	8	7	7	3	5.0	năm chẵn
45	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	22/05/91	8	8	8	4	6.0	sáu chẵn
46	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	01/08/92	8	8	8	3	5.5	năm rưỡi
47	Nghị Hồng	Phát	12/11/89	7	7	7	4	5.5	năm rưỡi
48	Trần Hoài	Phong	15/03/92	7	7	7	6	6.5	sáu rưỡi
49	Trương Sỹ	Phúc	04/08/91	6	6	6	5	5.5	năm rưỡi
50	Hà Kim	Phụng	04/07/91	9	9	9	5	7.0	bảy chẵn
51	<b>Trương Tấn</b>	<b>Phước</b>	<b>17/05/91</b>	<b>7</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>2.0</b>	<b>hai chẵn</b>
52	Nguyễn Văn	Phương	05/03/92	5	5	5	5	5.0	năm chẵn
53	Phan Thị Kim	Quanh	27/08/92	7	7	7	5	6.0	sáu chẵn
54	Đình Thị Hoàng	Quyên	05/11/91	7	7	7	5	6.0	sáu chẵn
55	Lê Đức	Quyền	04/12/89	7	7	7	4	5.5	năm rưỡi
56	Tạ Chiêu	Quyền	24/09/91	8	8	8	4	6.0	sáu chẵn
57	<b>Khương Tấn</b>	<b>Tài</b>	<b>01/02/89</b>	<b>7</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>2.0</b>	<b>hai chẵn</b>
58	Đỗ Thị	Tâm	01/12/92	7	6	6	5	5.5	năm rưỡi
59	<b>Hồ Thị Ngọc</b>	<b>Tiên</b>	<b>26/06/89</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0.0</b>	<b>không chẵn</b>
60	Trần Quốc	Toản	10/04/92	5	4	4	5	4.5	bốn rưỡi
61	<b>Sầm Minh</b>	<b>Tong</b>	<b>27/01/91</b>	<b>5</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>2.0</b>	<b>hai chẵn</b>
62	<b>Nguyễn Đỗ Tân</b>	<b>Thanh</b>	<b>15/02/91</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>3</b>	<b>0</b>	<b>1.5</b>	<b>một rưỡi</b>
63	Tạ	Thi	14/03/91	8	8	8	5	6.5	sáu rưỡi
64	Hồ Thị Kim	Thi	13/09/90	7	7	7	5	6.0	sáu chẵn
65	Phạm Nguyễn Thanh	Thiên	26/06/91	6	6	6	5	5.5	năm rưỡi
66	Lê Thị Kim	Thoa	22/11/90	8	8	8	5	6.5	sáu rưỡi
67	Trần Ngọc	Thuởng	21/07/88	6	5	5	5	5.0	năm chẵn
68	Nguyễn Thị Kim	Thúy	07/11/90	7	8	8	5	6.5	sáu rưỡi
69	Nguyễn Thị Minh	Thùy	08/09/91	7	6	6	5	5.5	năm rưỡi
70	<b>Lâm Thanh</b>	<b>Thúy</b>	<b>28/04/90</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	<b>2.5</b>	<b>hai rưỡi</b>
71	<b>Trần Thị Kim</b>	<b>Thúy</b>	<b>00/00/91</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>2.0</b>	<b>hai chẵn</b>
72	Trần Thị Thanh	Trúc	01/04/91	7	3	4	5	4.5	bốn rưỡi
73	<b>Nguyễn Văn</b>	<b>Truyền</b>	<b>18/10/90</b>	<b>6</b>	<b>5</b>	<b>5</b>	<b>0</b>	<b>2.5</b>	<b>hai rưỡi</b>
74	<b>Trịnh Văn</b>	<b>Tuân</b>	<b>26/12/91</b>	<b>5</b>	<b>4</b>	<b>4</b>	<b>0</b>	<b>2.0</b>	<b>hai chẵn</b>

STT	Họ và Tên	Ngày sinh	Điểm KT (hệ số 1)	Điểm KT (hệ số 2)	T.Bình Kiểm tra học phần	Điểm thi kết thúc học phần	Điểm học phần (ghi bằng số)	Điểm học phần (ghi bằng chữ)	Ghi chú	
			(.1)	(.2)	(.3)	(.4)	(.5)	(.6)		
75	Phan Thị Huyền	Vi	01/10/86	6	7	7	3	5.0	năm chẵn	
76	Huỳnh Quốc	Việt	14/01/88	6	5	5	5	5.0	năm chẵn	
77	Nguyễn Tấn	Vũ	12/12/92	0	0	0	0	0.0	không chẵn	
78	Phùng Oanh	Yến	01/01/92	7	6	6	4	5.0	năm chẵn	
79	Phạm Hoàng	Yến	02/11/92	4	3	3	0	1.5	một rưỡi	
80	Bùi Thị Quỳnh	Anh	08/08/91	0	0	0	0	0.0	không chẵn	QTKD 20/1

**Chú thích :**

(.1) : Kiểm tra thường xuyên (cho điểm tròn không có số lẻ )

(.2) : Kiểm tra định kỳ (cho điểm tròn không có số lẻ )

(.3) : Trung bình kiểm tra =  $\{(.1)+[(.2)\times 2]\}/3$  (Làm tròn không số lẻ thập phân )

(.4) : Thi học kỳ tập trung ( cho điểm tròn không có số lẻ )

(.5) : Điểm học phần ghi bằng số =  $\{(.3)+(.4)\}/2$  (Làm tròn tới 1 số lẻ thập phân thứ nhất )

(.6) : Ghi bằng chữ (Lưu ý : (.5) và (.6) phải trùng khớp với nhau )


Giảng viên chấm I ký tên

( giảng viên phụ trách giảng dạy )

Khoa ( Tổ )

Ngày 29 tháng 01 năm 2012

Giảng viên chấm II ký tên

  
Trần Hữu Dũng

  
Hồ Văn Đức

